TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:.**65**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2018
V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thu Thủy.
2. Ông Lê Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Triệu Tin - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp " Không công nhận quan hệ vợ chồng " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 , giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị M, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2/. Bị đơn: Ông Triệu Tấn H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện P do ông Nguyễn Dương Q đại diện theo ủy quyền, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Hồ Thị M trình bày: Về hôn nhân: bà với ông Triệu Tấn H tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình vào năm 1989, có làm tờ khai kết hôn tại

UBND xã T, thị xã T (cũ) nhưng không có giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống đến tháng 10/2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng bà thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn, chơi bời tai gái, hay gây sự chửi bới dẫn đến cuộc sống gia đình không đồng thuận, tình cảm vợ chồng không còn. Đến nay mâu thuẫn giữa vợ chồng bà đã thực sự trầm trọng, vợ chồng bà đã sống ly thân từ cuối năm 2013 đến nay. Vì vậy bà thấy bà không thể tiếp tục chung sống với ông H được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Triệu Thị Lệ H, sinh ngày 15/8/1990 và Triệu Sơn T, sinh ngày 17/10/1998. Các cháu H, T đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Vợ chồng bà có 01 ngôi nhà cấp bốn làm trên diện tích đất 90m^2 đất ở thửa số 274, tờ bản đồ số 05 tại thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Về nợ chung: Vợ chồng bà nợ Ngân hàng CSXH huyện P 02 khoản gồm 15.000.000 đồng (vay hộ nghèo) và 12.000.000 đồng (vay nước sạch) tổng là 27.000.000 đồng cùng với tiền lãi. Vợ chồng bà đã tự thỏa thuận giá trị ngôi nhà là 227.000.000 đồng, ai nhận nhà thì thối trả cho bên kia 100.000.000 đồng. Bà đề nghị khi ly hôn bà nhận ngôi nhà và chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, thối trả chênh lệch về tài sản cho ông H là 100.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Triệu Tấn H trình bày: Về hôn nhân: Ông thống nhất theo lời khai của bà M về thời gian và điều kiện kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng ông cũng phát sinh nhiều mâu thuẫn như vợ ông đã trình bày, nay vợ ông yêu cầu ly hôn ông đồng ý. Về nuôi con chung: ông thống nhất theo trình bày của bà M. Về chia tài sản, nợ chung: ông thống nhất theo lời khai của bà M là vợ chồng ông có nhà và đất tại thôn N, xã T đồng thời có nợ tại Ngân hàng CSXH huyện P số tiền gốc 27.000.000 đồng và lãi phát sinh như bà M khai. Vợ chồng ông cũng đã tự thỏa thuận giá trị ngôi nhà và việc thối trả tiền cho bên không nhận nhà như bà M khai. Tuy nhiên, khi ly hôn ông cũng có nguyện vọng được nhận nhà để ở, chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng và thối trả cho bà M số tiền 100.000.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng CSXH Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện P ông Nguyễn Dương Q có đơn trình bày: Căn cứ hồ sơ vay vốn, hiện nay bà M và ông H có vay tại Ngân hàng CSXH huyện P số tiền 27.000.000 đồng, gồm: Chương trình vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 12.000.000 đồng và chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế là 15.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 17/5/2018 là 210.990 đồng. Nay vợ chồng ông H bà M ly hôn Ngân hàng yêu cầu ông bà có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh tham gia phiên thì phát sinh mâu thuẫn,tòa: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án,

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Các đương sự cũng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông H , đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị M về chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Hồ Thị M và ông Triệu Tấn H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 1989. Hai bên đã đến UBND xã T, Thị xã T, tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng để làm Giấy khai đăng ký kết hôn nhưng sau đó lại không đến để đăng ký kết hôn và vào sổ đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc kết hôn mà không đăng ký thì không có giá trị pháp lý. Như vậy quan hệ giữa bà M và ông H không phải là quan hệ vợ chồng. Tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp quy định: "Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình". Như vậy, với yêu cầu xin ly hôn với ông H của bà M, Hội đồng xét xử thấy cần tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M với ông H.

- Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà M và ông H có hai con chung là Triệu Thị Lệ H, sinh ngày 15/8/1990 và Triệu Sơn T, sinh ngày 17/10/1998. Đến nay các cháu đã trưởng thành, bà M và ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản:

+ Về tài sản chung: Bà M và ông H đều thừa nhận vợ chồng bà có 01 ngôi nhà cấp bốn làm trên diện tích đất 90m^2 đất ở thửa số 274, tờ bản đồ số 05 tại thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Qua xem xét thẩm định đúng như lời khai của bà M và ông H.

+ Về nợ chung: Vợ chồng bà M, ông H nợ Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện P 02 khoản gồm Chương trình vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 12.000.000 đồng và chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế là 15.000.000 đồng, tổng là 27.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 17/5/2018 là 210.990 đồng.

Hai bên thống nhất giá trị của ngôi nhà sau khi trả cho Ngân hàng sẽ còn lại 200.000.000 đồng, ai nhận nhà thì thối trả cho bên kia 100.000.000 đồng.

Xét thấy, sau khi ly hôn cả bà M và ông H đều không có nhà và đều có nhu cầu về nhà ở nên yêu cầu được nhận nhà giữa các bên đều có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo lời khai giữa các bên và căn cứ vào điều kiện thực tế thì ông H đang đăng ký hộ khẩu cùng với mẹ ông là bà Nguyễn Thị N, thường trú tại thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam còn bà M thì đăng ký hộ khẩu tại thôn N, xã T, huyện P. Hơn nữa bà M hiện đang có con gái đang sống chung với bà nên vấn đề về nhà ở là rất cần thiết đối với hai mẹ con. Ông H tuy cũng có nhu cầu bức thiết về nhà ở nhưng là đàn ông vẫn có thể giải quyết dễ dàng hơn so với bà M. Mặt khác khi làm hồ sơ vay vốn Ngân hàng CSXH huyện P, do ông H không có hộ khẩu tại T nên bà M là người đứng ra ký kết hợp đồng với Ngân hàng và người ký vào mục người thừa kế là con gái Triệu Thị Lệ H. Tài sản kê khai để được vay vốn là nhà đất hiện nay của bà M và ông H. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao nhà, đất ở thôn N, xã T cho bà M, bà M chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng CSXH Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện P và thối trả chênh lệch về tài sản cho ông H là phù hợp.

[2] Về án phí: + Án phí HNGĐ sơ thẩm bà Hồ Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

+ Án phí chia tài sản: bà Hồ Thị M và ông Triệu Tấn H mỗi người phải chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 9, điều 14, điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Hồ Thị M và ông Triệu Tấn H là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xét.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Giao cho bà Hồ Thị M được sở hữu ngôi nhà cấp bốn và quyền sử dụng diện tích đất 90m^2 đất ở thửa số 274, tờ bản đồ số 05 tại thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Tứ cận: Phía đông giáp nhà ông Nguyễn Ngọc C; phía tây giáp nhà ông Nguyễn Đức H, phía nam giáp đường Trà Thành (đường từ Quốc lộ 40 đi Tiên Phong); phía bắc giáp vườn ông Nguyễn Ngọc C. Bà M chịu trách nhiệm thối trả cho ông Triệu Tấn H số tiền chênh lệch về tài sản là 100.000.000 (*một trăm triệu*) đồng. Bà Hồ Thị M chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng CSXH huyện Phú Ninh số tiền gốc 27.000.000 (*hai mươi bảy triệu*) đồng và lãi tính đến ngày 17/5/2018 là 210.990 đồng và tiếp tục trả cho Ngân hàng theo hợp đồng cho đến khi hết nợ. Ông Triệu Tấn Hùng được nhận số tiền bà M thối trả chênh lệch về tài sản là 100.000.000 (*một trăm triệu*) đồng.

4. Về án phí: * Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Hồ Thị M phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng bà M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số J025232, ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Nam.

* Án phí chia tài sản các bên phải chịu như sau:

+ Bà Hồ Thị M phải chịu 5.000.000 *(năm triệu)* đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 500.000 *(năm trăm nghìn)* đồng bà Mai đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số J025233, ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Nam. Bà M còn phải nộp 4.500.000 (*bốn triệu năm trăm nghìn*) đồng.

+ Ông Triệu Tấn H phải chịu 5.000.000 *(năm triệu)* đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- VKSND huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mai

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ NINH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:...../2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28-12-2017
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sỹ.
2. Ông Trương Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Triệu Tin - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu Hiệp, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn 9, xã Tiên Mỹ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2/. Bị đơn: Anh Nguyễn Dương Trung, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn 3 (nay là thôn Cẩm Long), xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Thu Hiệp trình bày: Về hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Dương Trung tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Mỹ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam vào năm 2014. Trong thời gian chung sống giữa anh chị luôn xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cải vã, xô xác nhau, anh Trung sống không có trách nhiệm với vợ con, nghe lời bạn bè, người thân về ghen tuông đánh đập chị, ngoài ra chị cũng không đủ sức khỏe để đáp ứng nhu cầu sinh lý của anh Trung nên cũng dẫn đến mâu thuẫn, vợ chồng chị đã sống ly thân hơn một năm nay. Nay chị thấy chị không còn tình cảm gì với anh Trung nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trung. Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Nguyễn Trần Gia Nghĩa, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2014. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nhận nuôi cháu Nghĩa đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Trung cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án bị đơn anh Nguyễn Dương Trung trình bày: Về hôn nhân: Anh thống nhất theo lời khai của chị Hiệp về thời gian và điều kiện kết hôn. Trong thời gian chung sống bản thân anh luôn lo làm ăn để lo cho vợ con và mẹ bị bệnh tật, không biết vì lý do gì vợ anh đã tự ý bỏ nhà đi từ năm 2016 và đến tháng 02/2017 thì bỏ đi luôn cho đến nay. Trong thời gian chị Hiệp dẫn con về Tiên Phước thì hàng tháng anh đều sắp xếp thời gian lên thăm con. Anh thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chưa đến mức phải ly hôn, hơn nữa con cái giờ còn nhỏ nên anh không thể ly hôn được, nếu chị Hiệp muốn ly hôn thì phải đợi con đến 18 tuổi rồi mới tính. Anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Hiệp. Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung như chị Hiệp trình bày. Anh không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về phần này. Về chia tài sản, nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Các đương sự cũng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu Hiệp về hôn nhân, con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Dương Trung đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trung.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thu Hiệp và anh Nguyễn Dương Trung tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Mỹ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam vào năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của chị Hiệp và anh Trung thì thấy, theo chị Hiệp khai trong thời gian chung sống giữa anh chị luôn xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn do anh Trung nghe lời bạn bè, người thân về ghen tuông và đánh đập chị. Ngoài ra, vì sức khỏe của chị không đảm bảo để đáp ứng nhu cầu sinh lý của anh Trung nên cũng dẫn đến mâu thuẫn, cải vã nhau. Anh Trung sống không có trách nhiệm với chị và gia đình, vợ chồng chị đã sống ly thân hơn một năm nay, tình cảm cũng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trung. Anh Trung thừa nhận trong thời gian chung sống chị Hiệp cũng nhiều lần bỏ nhà đi và đi từ tháng 2/2017 cho đến nay không về nhà nữa. Tuy nhiên, trong thời gian chị Hiệp không sống ở nhà anh thì hàng tháng anh đều sắp xếp thời gian để lên thăm con, bản thân anh luôn lo làm ăn để chăm lo cho gia đình và sống hết trách nhiệm vì gia đình, vợ con. Anh cho rằng bây giờ con cái còn nhỏ, anh vẫn còn rất thương yêu chị Hiệp nên anh không bao giờ đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Hiệp, nếu chị Hiệp muốn ly hôn thì phải để con đến 18 tuổi rồi mới tính tiếp. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, tạo điều kiện về mặt thời gian để các bên suy nghĩ kỹ và cân nhắc việc ly hôn nhưng chị Hiệp vẫn không về chung sống với anh Trung và xác định tình cảm đã hết, cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh Trung không đưa ra được chứng cứ thuyết phục nào để vợ chồng có khả năng đoàn tụ, chung sống hạnh phúc. Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Tam Lộc không nắm rõ tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Hiệp anh Trung.

Như vậy, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Hiệp và anh Trung đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị Hiệp là có cơ sở, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh nên cần chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Chị Hiệp và anh Trung có 01 con chung là Nguyễn Trần Gia Nghĩa, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2014, khi ly hôn chị Hiệp có nguyện vọng

nhận nuôi cháu Nghĩa đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Trung cấp dưỡng nuôi con chung, anh Trung không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Như vậy, giữa chị Hiệp và anh Trung không có sự thỏa thuận về việc nuôi con chung khi ly hôn nên cần phải giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, cháu Nghĩa hiện nay dưới 07 tuổi, sau khi rời khỏi nhà anh Trung chị Hiệp dẫn cháu về sinh sống cùng với cha mẹ ruột của chị tại thôn 9, xã Tiên Mỹ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, điều kiện sinh sống của cháu tại đây ổn định, cháu được nuôi dạy tốt, phát triển bình thường, chị Hiệp có công việc làm ổn định và có thu nhập đủ để đảm bảo cho việc nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy nên tiếp tục giao cháu Nghĩa cho chị Hiệp trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) là có cơ sở, phù hợp với điều kiện thực tế và với quy định của pháp luật. Chị Hiệp không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản, nợ chung: Các bên khai là không có nên không xem xét giải quyết.

[**3**] Về án phí: Chị Trần Thị Thu Hiệp phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu Hiệp.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thu Hiệp ly hôn với anh Nguyễn Dương Trung.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Gia Nghĩa, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2014 cho chị Hiệp trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành *(Đủ 18 tuổi)*, anh Trung không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trung có quyền đi lại, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không

ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có, không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Thu Hiệp phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng chị Hiệp đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số J025095, ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Chị Hiệp đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Thái;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mai

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ NINH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…/2017/QĐST-HNGĐ	*Phú Ninh, ngày 12 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
HOÃN PHIÊN TÒA
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sỹ.

2. Ông Trương Thanh Liêm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mận là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Triệu Tin - Kiểm sát viên.

Đã tiến hành mở phiên toà sơ thẩm xét xử vụ án dân sự thụ lý số: 156/2017/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23

tháng 11 năm 2017.

Xét thấy bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất không có lý do.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hoãn phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 156/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017.

2.Thời gian, địa điểm mở lại phiên toà xét xử vụ án được ấn định như sau:

Phiên toà dân sự sơ thẩm sẽ được mở lại vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: Thị trấn Phú Thịnh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Nơi nhận:
- Anh Trung;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mai

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:…/2017/QĐST-HNGĐ

Phú Ninh, ngày 12 tháng 12năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
HOÃN PHIÊN TÒA
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sỹ.
2. Ông Trương Thanh Liêm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mận là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Triệu Tin - Kiểm sát viên.

Đã tiến hành mở phiên toà sơ thẩm xét xử vụ án dân sự thụ lý số:

156/2016/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017.

Xét thấy bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất không có lý do.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hoãn phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 156/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017.

2.Thời gian, địa điểm mở lại phiên toà xét xử vụ án được ấn định như sau:

Phiên toà dân sự sơ thẩm sẽ được mở lại vào hồi 07 giờ 30 phút ngày …. tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: Thị trấn Phú Thịnh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Nơi nhận:
- Anh Lý;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mai

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 49-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định hoãn phiên toà; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định hoãn phiên toà (ví dụ: Số: 89/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi họ tên của Thư ký Toà án và tên Toà án nơi thư ký Toà án công tác như hướng dẫn tại điểm (1).

(4) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(5) Ghi số, ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 30/2017/TLST-LĐ).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh

chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(7) Ghi số, ngày, tháng, năm của Quyết định đưa vụ án ra xét xử (ví dụ: số 02/2017/QĐXXST-LĐ ngày 20 tháng 01 năm 2017).

(8) Ghi rõ lý do của việc hoãn phiên toà dân sự sơ thẩm thuộc trường hợp cụ thể nào quy định tại điều luật tương ứng của Bộ luật tố tụng dân sự được nêu tại khoản 1 Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: Xét thấy nguyên đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất vì lý do tai nạn lao động).

(9) Tuỳ từng trường hợp cụ thể mà ghi điều luật tương ứng của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: nguyên đơn vắng mặt lần thứ nhất có lý do chính đáng (bị tai nạn lao động phải đi cấp cứu tại bệnh viện) quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì ghi: "Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự").

(10) Ghi rõ thời gian, địa điểm mở lại phiên toà dân sự sơ thẩm (ví dụ: Phiên toà dân sự sơ thẩm sẽ được mở lại vào hồi 08.00 giờ ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân quận 1, thành phố H), địa chỉ số….phố…phường….quận 1, thành phố H. Trong trường hợp chưa ấn định được thì ghi "Thời gian, địa điểm mở lại phiên toà xét xử vụ án sẽ được Toà án thông báo sau".

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Ninh, ngày 12 tháng 12 năm 2017

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH – TỈNH QUẢNG NAM

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sỹ.

2. Ông Trương Thanh Liêm.

Vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 12 tháng 12 năm 2017, tại Phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành thảo luận đối với vụ án dân sự thụ lý số 156/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017, về việc "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", với nội dung như sau:

1. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 227 và Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về nội dung:

Xét thấy bị đơn anh Nguyễn Dương Trung đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do; Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số156/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017, mở vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 12 tháng 12 năm 2017.

Thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 28 tháng 12 năm 2017.

Địa điểm, thành phần tiến hành tó tụng và thành phần tham gia tố tụng vẫn giữ nguyên theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 12 tháng 12 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 12 tháng 12 năm 2017.

Tại: Phòng nghị án của Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sỹ.

2. Ông Trương Thanh Liêm.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 156/2017/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" giữa:

1/. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu Hiệp, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn 9, xã Tiên Mỹ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

2/. Bị đơn: Anh Nguyễn Dương Trung, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn 3 (nay là thôn Cẩm Long), xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

.....

.....

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 12 tháng 12 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:

(1) Ghi tên Toà án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh H).

(2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Uỷ ban nhân dân huyện S, thành phố H).

(3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi "sơ thẩm"; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi "phúc thẩm".

(4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.

(5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi "TLST", nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi "TLPT"; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.

(8) Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lẽ công bằng (nếu có).

(9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.